

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06
THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Làm hoa

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
1	061236	Hoàng Thị Thu Thảo	Nữ	19/05/1999	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi

Số thí sinh được cấp Giấy chứng nhận nghề: 1 hs./.

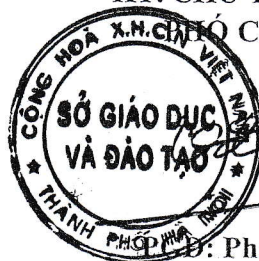
Ngày 10 tháng 11 năm 2017

NGƯỜI LẬP BẢNG

KT. CHỦ TỊCH HĐ THI

LƯU QUẢN CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Oanh



Phạm Văn Đại

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06

THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Múc chỉ

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
1	060665	Bùi Đỗ Minh Anh	Nữ	03/07/2000	Hà Nội	10.00	9.50	9.63	Giỏi
2	060666	Đỗ Hồng Anh	Nữ	10/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
3	060667	Nguyễn Huệ Anh	Nữ	13/11/2000	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
4	060668	Đỗ Minh Anh	Nữ	16/12/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
5	060669	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	06/02/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
6	060670	Phan Ngọc Anh	Nữ	18/09/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
7	060671	Cao Phương Anh	Nữ	11/06/2000	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
8	060672	Đỗ Phương Anh	Nữ	24/09/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
9	060673	Hoàng Phương Anh	Nữ	02/06/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
10	060674	Lương Phương Anh	Nữ	11/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
11	060675	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	17/02/2000	Hà Nội	10.00	9.50	9.63	Giỏi
12	060676	Dương Tâm Anh	Nữ	07/02/2000	Hà Nội	10.00	9.50	9.63	Giỏi
13	060677	Dư Thị Ngọc Anh	Nữ	16/01/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
14	060678	Nguyễn Trâm Anh	Nữ	10/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
15	060679	Lê Văn Anh	Nữ	09/08/2000	Hà Nội	9.00	8.00	8.25	Khá
16	060680	Nguyễn Thị ánh	Nữ	01/06/2000	Hà Nội	3.00	10.00	8.25	Trung Bình
17	060681	Nguyễn Linh Chi	Nữ	04/08/2000	Hà Tây	10.00	8.00	8.50	Khá
18	060682	Phạm Ngọc Chi	Nữ	30/10/2000	Hà Nội	-1.00	-1.00	0.00	
19	060683	Trần Phương Chi	Nữ	01/09/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
20	060684	Đỗ Quỳnh Chi	Nữ	22/08/2000	Hà Nội	10.00	9.50	9.63	Giỏi
21	060685	Nguyễn Thủy Dung	Nữ	11/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
22	060686	Nguyễn Thị Hạnh Dương	Nữ	28/07/2000	Phú Thọ	10.00	9.00	9.25	Giỏi
23	060687	Lê Thủy Dương	Nữ	28/11/1999	Nam Định	8.00	8.00	8.00	Khá
24	060688	Trần Hương Giang	Nữ	03/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
25	060689	Nguyễn Bùi Thanh Hà	Nữ	26/06/2000	Thanh Hoá	9.50	10.00	9.88	Giỏi
26	060690	Đỗ Ngân Hà	Nữ	13/07/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
27	060691	Hoàng Thu Hà	Nữ	21/09/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
28	060692	Đào Thị Nguyên Hạnh	Nữ	11/10/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
29	060693	Đoàn Thúy Hằng	Nữ	13/10/2000	Hà Tây	9.00	9.50	9.38	Giỏi
30	060694	Nguyễn Kim Hoàn	Nữ	16/09/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
31	060695	Lê Khánh Huyền	Nữ	16/10/2000	Hà Tây	9.00	10.00	9.75	Giỏi
32	060696	Hà Thanh Huyền	Nữ	24/07/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06

THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Múc chỉ

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
33	060697	Phạm Thanh Huyền	Nữ	12/10/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
34	060698	Nguyễn Quỳnh Hương	Nữ	25/03/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
35	060699	Nguyễn Việt Hương	Nữ	05/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
36	060700	Phạm Thanh Lam	Nữ	06/12/2000	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
37	060701	Hoàng Diệu Linh	Nữ	16/04/2000	Hà Nội	5.00	10.00	8.75	Khá
38	060702	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	20/10/2000	Hà Nội	5.00	10.00	8.75	Khá
39	060703	Nguyễn Đàm Khánh Linh	Nữ	09/09/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
40	060704	Lê Hà Linh	Nữ	11/12/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
41	060705	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	07/06/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
42	060706	Cao Thùy Linh	Nữ	31/12/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
43	060707	Đặng Thùy Linh	Nữ	30/04/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
44	060708	Trần Phương Mai	Nữ	01/09/2000	Hà Tây	8.00	10.00	9.50	Giỏi
45	060709	Nguyễn Thị Hoa Mai	Nữ	26/12/2000	Đắk Nông	8.00	9.50	9.13	Giỏi
46	060710	Phạm Thị Phương Mai	Nữ	07/03/2000	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
47	060711	Bùi Ngọc Hà My	Nữ	20/06/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
48	060712	Trần Thị Trà My	Nữ	04/03/2000	Hưng Yên	10.00	8.00	8.50	Khá
49	060713	Nghiêm Thị Nga	Nữ	03/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
50	060714	Hứa Phương Ngân	Nữ	21/03/2000	Hưng Yên	10.00	10.00	10.00	Giỏi
51	060715	Đào Thu Ngân	Nữ	23/10/2000	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
52	060716	Trần Thu Ngân	Nữ	23/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
53	060717	Nông Bảo Ngọc	Nữ	20/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
54	060718	Nguyễn Thảo Nguyên	Nữ	18/11/2000	Nam Định	10.00	10.00	10.00	Giỏi
55	060719	Bùi Ngọc Phương Nhi	Nữ	13/08/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
56	060720	Dương Thị Tuyết Nhung	Nữ	04/06/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
57	060721	Đỗ Hà Phương	Nữ	08/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
58	060722	Trần Khánh Phương	Nữ	05/09/1999	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
59	060723	Triệu Mai Phương	Nữ	23/12/2000	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
60	060724	Trần Thị Liên Phương	Nữ	17/11/2000	Hà Tây	10.00	9.50	9.63	Giỏi
61	060725	Lương Thu Phương	Nữ	11/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
62	060726	Phạm Phương Thảo	Nữ	19/10/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
63	060727	Đỗ Thanh Thảo	Nữ	27/01/2000	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
64	060728	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	14/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06
THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Mốc chỉ

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

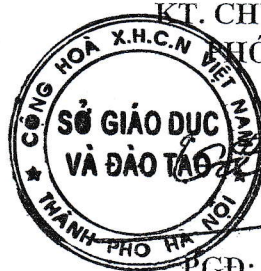
SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
65	060729	Mai Thu Thảo	Nữ	03/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
66	060730	Cao Lệ Thu	Nữ	16/12/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
67	060731	Nguyễn Thị Hoài Thu	Nữ	26/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
68	060732	Bùi Thu Thủy	Nữ	08/12/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
69	060733	Vũ Anh Thư	Nữ	26/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
70	060734	Nguyễn Thủy Tiên	Nữ	30/03/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
71	060735	Lê Huyền Trang	Nữ	28/05/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
72	060736	Đinh Quỳnh Trang	Nữ	21/10/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
73	060737	Lê Thị Huyền Trang	Nữ	28/03/2000	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
74	060738	Đỗ Diệu Thu Uyên	Nữ	12/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
75	060739	Nguyễn Tú Uyên	Nữ	02/05/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
76	060740	Phạm Quý Vi	Nữ	05/02/2000	Hà Nội	9.50	9.00	9.13	Giỏi
77	060741	Nguyễn Hải Vy	Nam	15/07/2000	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
78	060742	Nguyễn Hải Yến	Nữ	30/10/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
79	060743	Phí Hải Yến	Nữ	13/12/1999	Hà Tây	4.00	10.00	8.50	Trung Bình
80	060744	Ngô Ngọc Kim Yến	Nữ	21/05/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi

Số thí sinh được cấp Giấy chứng nhận nghề: 79 hs./.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Kim Oanh



KT. CHỦ TỊCH HĐ THI
PHÓ CHỦ TỊCH

PGD: Phạm Văn Đại

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06

THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Điện dân dụng

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
1	060291	Lê Duy Anh	Nam	26/08/2000	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
2	060292	Nguyễn Duy Việt Anh	Nam	06/01/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
3	060293	Nguyễn Quốc Anh	Nam	04/09/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
4	060294	Nguyễn Tiến Anh	Nam	09/08/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
5	060295	Nguyễn Việt Anh	Nam	31/08/2000	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
6	060296	Đỗ Vương Quốc Anh	Nam	03/05/2000	Hải Dương	10.00	10.00	10.00	Giỏi
7	060297	Đào Quang Bách	Nam	15/09/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
8	060298	Nguyễn Sĩ Bách	Nam	18/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
9	060299	Phạm Văn Bình	Nam	04/11/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
10	060300	Triệu Minh Chiến	Nam	07/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
11	060301	Nguyễn Tấn Dũng	Nam	18/11/2000	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
12	060302	Đinh Tiến Dũng	Nam	14/04/2000	Nam Định	5.00	10.00	8.75	Khá
13	060303	Nguyễn Trọng Dũng	Nam	19/12/2000	Phú Thọ	10.00	9.50	9.63	Giỏi
14	060304	Lưu Việt Dũng	Nam	04/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
15	060305	Đỗ Đức Dương	Nam	18/08/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
16	060306	Hoàng Quốc Đạt	Nam	04/10/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
17	060307	Lại Tiến Đạt	Nam	27/11/2000	Hà Nội	10.00	9.50	9.63	Giỏi
18	060308	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	31/10/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
19	060309	Nguyễn Hải Đăng	Nam	06/11/2000	Hà Nội	7.00	9.50	8.88	Khá
20	060310	Nguyễn Văn Diệp	Nam	13/09/2000	Hà Tây	9.00	10.00	9.75	Giỏi
21	060311	Trần Tiến Đồng	Nam	19/11/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
22	060312	Nguyễn Anh Đức	Nam	21/05/2000	Hải Phòng	10.00	9.50	9.63	Giỏi
23	060313	Đỗ Danh Đức	Nam	18/01/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
24	060314	Nguyễn Đức Hà	Nam	01/10/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
25	060315	Nguyễn Quang Hà	Nam	09/01/2000	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
26	060316	Đặng Việt Hà	Nam	08/10/2000	Hà Nội	6.00	9.00	8.25	Khá
27	060317	Phạm Việt Hà	Nam	13/02/2000	Ninh Bình	8.00	10.00	9.50	Giỏi
28	060318	Nguyễn Xuân Hà	Nam	07/05/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
29	060319	Hoàng Hải	Nam	13/08/2000	Hà Tây	9.00	10.00	9.75	Giỏi
30	060320	Nguyễn Đức Hiếu	Nam	02/01/2000	Hà Nội	9.00	9.00	9.00	Giỏi
31	060321	Nguyễn Đức Hiếu	Nam	23/09/2000	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
32	060322	Khuất Hữu Hoàng	Nam	29/10/2000	Hà Tây	8.00	9.00	8.75	Khá

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06
THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Điện dân dụng

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
33	060323	Lê Phương Huy Hoàng	Nam	11/02/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
34	060324	Cao Phi Hồng	Nam	19/11/2000	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
35	060325	Lê Phi Hồng	Nam	13/09/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
36	060326	Nguyễn Đức Huy	Nam	18/06/2000	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
37	060327	Bùi Quang Khanh	Nam	03/12/2000	Ninh Bình	9.00	9.50	9.38	Giỏi
38	060328	Ngô Duy Khánh	Nam	01/11/2000	Hà Nội	7.00	9.50	8.88	Khá
39	060329	Nguyễn Sỹ Khoa	Nam	09/09/2000	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
40	060330	Đào Trung Kiên	Nam	26/12/2000	Hưng Yên	6.00	9.50	8.63	Khá
41	060331	Kiều Đức Long	Nam	28/03/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
42	060332	Nguyễn Đức Long	Nam	05/05/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
43	060333	Nguyễn Đức Long	Nam	05/03/2000	Hà Tây	9.00	10.00	9.75	Giỏi
44	060334	Đinh Hải Long	Nam	20/01/2000	Hà Tây	8.00	9.50	9.13	Giỏi
45	060335	Đặng Hoàng Long	Nam	18/12/2000	Hà Tây	8.00	9.50	9.13	Giỏi
46	060336	Nguyễn Hữu Hải Long	Nam	10/11/2000	Hà Nội	7.00	9.00	8.50	Khá
47	060337	Hà Ngọc Long	Nam	15/06/2000	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
48	060338	Hứa Sỹ Long	Nam	13/03/2000	Thái Nguyên	8.00	10.00	9.50	Giỏi
49	060339	Nguyễn Thành Long	Nam	31/07/2000	Hà Tây	9.00	10.00	9.75	Giỏi
50	060340	Trịnh Văn Phi Long	Nam	24/05/2000	Liên bang Nga	8.00	9.50	9.13	Giỏi
51	060341	Nguyễn Huy Lộc	Nam	11/11/2000	Hà Nội	7.00	9.50	8.88	Khá
52	060342	Lương Đức Minh	Nam	12/12/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
53	060343	Nguyễn Hữu Minh	Nam	05/10/2000	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
54	060344	Nguyễn Quang Minh	Nam	07/10/2000	Hà Nội	3.00	9.50	7.88	Trung Bình
55	060345	Vũ Quang Minh	Nam	15/02/2000	Ninh Bình	9.00	10.00	9.75	Giỏi
56	060346	Nguyễn Đức Nghĩa	Nam	04/06/2000	Hà Tây	8.00	10.00	9.50	Giỏi
57	060347	Phạm Minh Nhật	Nam	18/07/2000	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
58	060348	Bùi Anh Phương	Nam	11/09/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
59	060349	Nguyễn Hoàng Phước	Nam	14/08/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
60	060350	Trần Minh Quang	Nam	14/10/2000	Hà Nội	6.00	10.00	9.00	Giỏi
61	060351	Nguyễn Văn Quang	Nam	14/04/2000	Thái Bình	8.50	10.00	9.63	Giỏi
62	060352	Đỗ Anh Quân	Nam	05/02/2000	Hà Tây	9.50	10.00	9.88	Giỏi
63	060353	Ngô Đàm Quân	Nam	08/04/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
64	060354	Trần Hồng Sơn	Nam	09/12/2000	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06

THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Điện dân dụng

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
65	060355	Mai Thanh Sơn	Nam	21/09/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
66	060356	Đinh Thái Sơn	Nam	17/03/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
67	060357	Hoàng Trường Sơn	Nam	22/11/2000	Phú Thọ	8.00	10.00	9.50	Giỏi
68	060358	Ngô Văn Sơn	Nam	12/06/2000	Kon Tum	9.00	10.00	9.75	Giỏi
69	060359	Trần Đức Tài	Nam	03/05/2000	Hà Nội	9.00	9.50	9.38	Giỏi
70	060360	Nguyễn Duy Thành	Nam	23/10/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
71	060361	Nguyễn Quốc Thái	Nam	24/12/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
72	060362	Lê Danh Tiến	Nam	08/09/2000	Hà Nội	6.00	10.00	9.00	Giỏi
73	060363	Cao Hạnh Đức Toàn	Nam	12/09/2000	Hà Nội	7.00	9.00	8.50	Khá
74	060364	Nguyễn Nghiêm Minh Trí	Nam	11/02/2000	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
75	060365	Phan Phú Trung	Nam	06/12/2000	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
76	060366	Nguyễn Quốc Trung	Nam	13/10/2000	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
77	060367	Phùng Lam Trường	Nam	03/02/2000	Hải Dương	7.00	9.00	8.50	Khá
78	060368	Nguyễn Thế Trường	Nam	16/04/2000	Hà Nội	7.00	9.00	8.50	Khá
79	060369	Hoàng Văn Trường	Nam	02/09/1999	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
80	060370	Lê Minh Tuệ	Nam	20/10/2000	Hà Nội	7.00	9.00	8.50	Khá
81	060371	Tổng Thanh Tùng	Nam	02/03/2000	Hà Tây	7.00	10.00	9.25	Giỏi
82	060372	Vũ Xuân Tùng	Nam	27/06/2000	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
83	060373	Nguyễn Quốc Việt	Nam	31/12/2000	Hà Tây	8.00	9.00	8.75	Khá
84	060374	Nguyễn Quang Vinh	Nam	04/08/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
85	060375	Hoàng Quốc Vương	Nam	30/11/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi

Số thí sinh được cấp Giấy chứng nhận nghề: 85 hs./.

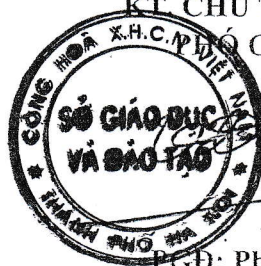
Ngày 10 tháng 11 năm 2017

NGƯỜI LẬP BẢNG

KT CHỦ TỊCH HĐ THI

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Oanh



PGD: Phạm Văn Đại

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06

THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Nấu ăn

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
1	062176	Nguyễn Huy Hoàng An	Nam	30/09/2000	Hà Nội	9.00	8.00	8.25	Khá
2	062177	Nguyễn Thị An	Nữ	10/08/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
3	062178	Lương Thị Hải An	Nữ	28/10/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
4	062179	Ngô Đức Anh	Nam	29/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
5	062180	Nguyễn Đức Anh	Nam	15/01/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
6	062181	Nguyễn Đức Anh	Nam	16/04/2000	Hà Nội	2.50	10.00	8.13	
7	062182	Nguyễn Đức Anh	Nam	03/04/2000	Hà Nội	6.50	10.00	9.13	Giỏi
8	062183	Nguyễn Gia Tuấn Anh	Nam	21/03/2000	Hà Nội	6.50	10.00	9.13	Giỏi
9	062184	Trần Hằng Anh	Nữ	14/05/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
10	062185	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	07/09/2000	Hải Dương	9.00	10.00	9.75	Giỏi
11	062186	Lê Hoàng Vi Anh	Nữ	14/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
12	062187	Đặng Hồng Anh	Nữ	08/03/2000	Nam Định	6.50	10.00	9.13	Giỏi
13	062188	Nguyễn Huy Anh	Nữ	15/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
14	062189	Nguyễn Huyền Anh	Nữ	14/11/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
15	062190	Hoàng Kỳ Anh	Nam	18/11/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
16	062191	Hoàng Lan Anh	Nữ	13/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
17	062192	Hoàng Mai Anh	Nữ	26/10/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
18	062193	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	14/07/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
19	062194	Hồ Phúc Anh	Nam	12/01/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
20	062195	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	27/11/2000	Hà Nội	5.50	10.00	8.88	Khá
21	062196	Lý Thị Kim Anh	Nữ	06/01/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
22	062197	Trần Thị Mai Anh	Nữ	14/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
23	062198	Hoàng Thị Ngọc Anh	Nữ	08/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
24	062199	Đoàn Thị Phương Anh	Nữ	04/10/2000	Bắc Giang	10.00	10.00	10.00	Giỏi
25	062200	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	31/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
26	062201	Trịnh Thị Phương Anh	Nữ	11/09/2000	Bắc Ninh	8.00	10.00	9.50	Giỏi
27	062202	Triệu Thị Vân Anh	Nữ	06/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
28	062203	Phạm Thuận Anh	Nữ	15/12/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
29	062204	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	05/01/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
30	062205	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	11/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
31	062206	Hoàng Vân Anh	Nữ	13/11/2000	Hà Nội	6.00	10.00	9.00	Giỏi
32	062207	Hoàng Việt Anh	Nam	21/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06

THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Nấu ăn

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
33	062208	Kiều Việt Anh	Nữ	17/08/2000	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
34	062209	Nguyễn Việt Anh	Nam	17/08/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
35	062210	Phạm Việt Anh	Nữ	13/02/2000	Vĩnh Phúc	4.00	10.00	8.50	Trung Bình
36	062211	Vũ Việt Anh	Nam	20/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
37	062212	Đặng Minh ánh	Nữ	09/08/2000	Hà Nội	3.00	10.00	8.25	Trung Bình
38	062213	Nguyễn Minh ánh	Nữ	13/08/2000	Hà Nội	6.00	10.00	9.00	Giỏi
39	062214	Nguyễn Ngọc ánh	Nữ	07/07/2000	Hà Nội	4.50	10.00	8.63	Trung Bình
40	062215	Vũ Gia Bảo	Nam	06/11/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
41	062216	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	27/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
42	062217	Phan Hoàng Bách	Nam	23/11/2000	Hưng Yên	8.50	10.00	9.63	Giỏi
43	062218	Nguyễn Huy Bách	Nam	20/10/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
44	062219	Đàm Xuân Bách	Nam	15/09/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
45	062220	Nguyễn Ngọc Bích	Nữ	03/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
46	062221	Nguyễn Đình Cảnh	Nam	27/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
47	062222	Nguyễn Minh Chánh	Nam	25/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
48	062223	Phạm Thị Minh Châu	Nữ	10/07/2000	Thái Bình	10.00	10.00	10.00	Giỏi
49	062224	Trần Thị Minh Châu	Nữ	10/02/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
50	062225	Lê Mai Chi	Nữ	29/03/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
51	062226	Vũ Thị Hà Chi	Nữ	17/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
52	062227	Bùi Doanh Chính	Nam	28/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
53	062228	Nguyễn Đức Chính	Nam	05/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
54	062229	Giang Quốc Chương	Nam	02/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
55	062230	Nguyễn Công Cường	Nam	12/08/1999	Hưng Yên	7.00	10.00	9.25	Giỏi
56	062231	Phạm Mạnh Cường	Nam	13/06/2000	Hà Nội	4.00	10.00	8.50	Trung Bình
57	062232	Trần Thế Cường	Nam	04/10/2000	Nghệ An	10.00	10.00	10.00	Giỏi
58	062233	Nguyễn Hồng Diễm	Nữ	09/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
59	062234	Nguyễn Thúy Diệp	Nữ	19/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
60	062235	Tạ Khánh Dung	Nữ	17/11/2000	Hà Nội	5.00	10.00	8.75	Khá
61	062236	Phạm Phương Dung	Nữ	27/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
62	062237	Nguyễn Bá Duy	Nam	04/02/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
63	062238	Nguyễn Doãn Duy	Nam	22/05/2000	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
64	062239	Trần Thủy Duyên	Nữ	02/12/2000	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
65	062240	Lê Anh Dũng	Nam	02/08/2000	Thanh Hoá	10.00	10.00	10.00	Giỏi
66	062241	Phạm Đức Dũng	Nam	05/01/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
67	062242	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	24/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
68	062243	Nguyễn Việt Dũng	Nam	20/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
69	062244	Trần Việt Dũng	Nam	05/05/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
70	062245	Đặng Hoàng Dương	Nam	07/03/2000	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
71	062246	Nguyễn Hoàng Dương	Nam	28/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
72	062247	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	30/10/2000	Hà Nội	5.00	10.00	8.75	Khá
73	062248	Vũ Thùy Dương	Nữ	20/12/2000	Hà Nội	6.00	10.00	9.00	Giỏi
74	062249	Phạm Kiều Linh Đan	Nữ	26/04/2000	Hà Tây	9.00	10.00	9.75	Giỏi
75	062250	Nguyễn Nam Đan	Nữ	16/10/2000	Hà Nội	4.50	10.00	8.63	Trung Bình
76	062251	Nguyễn Đức Đạt	Nam	25/01/2000	Hà Nội	3.50	10.00	8.38	Trung Bình
77	062252	Hoàng Thành Đạt	Nam	07/01/2000	Ninh Bình	5.00	10.00	8.75	Khá
78	062253	Vũ Tiến Đạt	Nam	08/06/2000	Bắc Ninh	10.00	10.00	10.00	Giỏi
79	062254	Vũ Tiến Đạt	Nam	10/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
80	062255	Vũ Trọng Đạt	Nam	08/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
81	062256	Nguyễn Hải Đăng	Nam	12/09/2000	Hà Nội	3.00	10.00	8.25	Trung Bình
82	062257	Phạm Hải Đăng	Nam	08/01/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
83	062258	Nguyễn Văn Điện	Nam	10/04/2000	Nam Định	9.00	10.00	9.75	Giỏi
84	062259	Hoàng Trung Đô	Nam	30/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
85	062260	Đặng Tiến Đông	Nam	01/09/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
86	062261	Hoàng Minh Đường	Nam	30/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
87	062262	Trần Trung Đức	Nam	10/09/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
88	062263	Cao Hương Giang	Nữ	04/09/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
89	062264	Đỗ Hương Giang	Nữ	24/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
90	062265	Phạm Hương Giang	Nữ	30/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
91	062266	Nguyễn Thu Giang	Nữ	28/11/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
92	062267	Đỗ Trường Giang	Nam	30/09/2000	Hà Nội	3.50	10.00	8.38	Trung Bình
93	062268	Phạm Đình Giáp	Nam	02/11/2000	Thái Bình	10.00	10.00	10.00	Giỏi
94	062269	Kim Nguyệt Hà	Nữ	29/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
95	062270	Nguyễn Phạm Ngân Hà	Nữ	13/08/2000	Thái Bình	8.50	10.00	9.63	Giỏi
96	062271	Nguyễn Phương Hà	Nữ	22/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06
THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Nấu ăn

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
65	062240	Lê Anh Dũng	Nam	02/08/2000	Thanh Hoá	10.00	10.00	10.00	Giỏi
66	062241	Phạm Đức Dũng	Nam	05/01/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
67	062242	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	24/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
68	062243	Nguyễn Việt Dũng	Nam	20/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
69	062244	Trần Việt Dũng	Nam	05/05/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
70	062245	Đặng Hoàng Dương	Nam	07/03/2000	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
71	062246	Nguyễn Hoàng Dương	Nam	28/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
72	062247	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	30/10/2000	Hà Nội	5.00	10.00	8.75	Khá
73	062248	Vũ Thùy Dương	Nữ	20/12/2000	Hà Nội	6.00	10.00	9.00	Giỏi
74	062249	Phạm Kiều Linh Đan	Nữ	26/04/2000	Hà Tây	9.00	10.00	9.75	Giỏi
75	062250	Nguyễn Nam Đan	Nữ	16/10/2000	Hà Nội	4.50	10.00	8.63	Trung Bình
76	062251	Nguyễn Đức Đạt	Nam	25/01/2000	Hà Nội	3.50	10.00	8.38	Trung Bình
77	062252	Hoàng Thành Đạt	Nam	07/01/2000	Ninh Bình	5.00	10.00	8.75	Khá
78	062253	Vũ Tiến Đạt	Nam	08/06/2000	Bắc Ninh	10.00	10.00	10.00	Giỏi
79	062254	Vũ Tiến Đạt	Nam	10/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
80	062255	Vũ Trọng Đạt	Nam	08/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
81	062256	Nguyễn Hải Đăng	Nam	12/09/2000	Hà Nội	3.00	10.00	8.25	Trung Bình
82	062257	Phạm Hải Đăng	Nam	08/01/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
83	062258	Nguyễn Văn Điện	Nam	10/04/2000	Nam Định	9.00	10.00	9.75	Giỏi
84	062259	Hoàng Trung Đô	Nam	30/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
85	062260	Đặng Tiến Đông	Nam	01/09/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
86	062261	Hoàng Minh Đường	Nam	30/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
87	062262	Trần Trung Đức	Nam	10/09/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
88	062263	Cao Hương Giang	Nữ	04/09/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
89	062264	Đỗ Hương Giang	Nữ	24/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
90	062265	Phạm Hương Giang	Nữ	30/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
91	062266	Nguyễn Thu Giang	Nữ	28/11/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
92	062267	Đỗ Trường Giang	Nam	30/09/2000	Hà Nội	3.50	10.00	8.38	Trung Bình
93	062268	Phạm Đình Giáp	Nam	02/11/2000	Thái Bình	10.00	10.00	10.00	Giỏi
94	062269	Kim Nguyệt Hà	Nữ	29/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
95	062270	Nguyễn Phạm Ngân Hà	Nữ	13/08/2000	Thái Bình	8.50	10.00	9.63	Giỏi
96	062271	Nguyễn Phương Hà	Nữ	22/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06

THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Nấu ăn

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
97	062272	Lê Quang Hà	Nam	13/12/2000	Hà Nội	7.50	10.00	9.38	Giỏi
98	062273	Lưu Sơn Hà	Nam	16/12/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
99	062274	Phạm Thanh Hà	Nữ	24/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
100	062275	Phạm Thị Hải Hà	Nữ	29/07/2000	Ninh Bình	8.00	10.00	9.50	Giỏi
101	062276	Nguyễn Thu Hà	Nữ	09/02/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
102	062277	Vũ Đức Hải	Nam	22/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
103	062278	Lê Minh Hải	Nam	10/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
104	062279	Bùi Mai Mỹ Hằng	Nữ	15/12/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
105	062280	Bùi Như Hằng	Nữ	28/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
106	062281	Hoàng Thanh Hằng	Nữ	17/05/2000	Hà Nội	5.00	10.00	8.75	Khá
107	062282	Nguyễn Thanh Hằng	Nữ	09/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
108	062283	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	07/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
109	062284	Nguyễn Việt Hằng	Nữ	15/09/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
110	062285	Nguyễn Thị Hậu	Nữ	19/03/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
111	062286	Nguyễn Phương Hiền	Nữ	21/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
112	062287	Đoàn Minh Hiền	Nữ	01/08/2000	Nam Định	10.00	10.00	10.00	Giỏi
113	062288	Hà Minh Hiền	Nữ	22/03/2000	Hà Nội	5.00	10.00	8.75	Khá
114	062289	Lê Thị Hiền	Nữ	01/01/2000	Nam Định	10.00	10.00	10.00	Giỏi
115	062290	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	17/01/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
116	062291	Lê Bá Hiếu	Nam	27/07/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
117	062292	Đặng Bùi Minh Hiếu	Nam	24/01/2000	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.00	Giỏi
118	062293	Nguyễn Duy Hiếu	Nam	22/07/2000	Thanh Hoá	9.50	10.00	9.88	Giỏi
119	062294	Nguyễn Đăng Hiếu	Nam	22/12/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
120	062295	Nguyễn Đức Trung Hiếu	Nam	15/05/2000	Hà Nội	6.00	10.00	9.00	Giỏi
121	062296	Ngô Minh Hiếu	Nam	01/04/2000	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
122	062297	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	08/02/2000	Hà Nội	10.00	9.00	9.25	Giỏi
123	062298	Trần Minh Hiếu	Nam	30/12/1999	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
124	062299	Trịnh Trung Hiếu	Nam	21/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
125	062300	Nguyễn Huy Hiệp	Nam	26/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
126	062301	Nguyễn Quang Hiệp	Nam	06/09/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
127	062302	Nguyễn Thu Hoa	Nữ	25/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
128	062303	Đinh Thu Hoài	Nữ	16/05/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

BẢNG GHI ĐIỂM THI

CỤM THI SỐ: 06

Khóa ngày: 25/10/2017

THPT Nhân Chính

Nghề: Nấu ăn

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
129	062304	Lê Hoàng	Nam	19/07/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
130	062305	Bùi Huy Hoàng	Nam	13/12/2000	TP Hồ Chí Minh	8.00	10.00	9.50	Giỏi
131	062306	Đỗ Huy Hoàng	Nam	25/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
132	062307	Lê Huy Hoàng	Nam	12/03/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
133	062308	Đỗ Thái Hoàng	Nam	28/10/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
134	062309	Đỗ Việt Hoàng	Nam	25/12/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
135	062310	Hà Anh Huy	Nam	26/06/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
136	062311	Phạm Công Huy	Nam	28/01/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
137	062312	Nguyễn Đức Huy	Nam	08/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
138	062313	Nguyễn Đức Huy	Nam	03/10/1999	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
139	062314	Trần Đức Huy	Nam	08/04/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
140	062315	Phạm Gia Huy	Nam	04/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
141	062316	Nguyễn Quang Huy	Nam	30/06/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
142	062317	Nguyễn Thành Huy	Nam	20/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
143	062318	Nguyễn Tiến Quốc Huy	Nam	02/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
144	062319	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	03/10/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
145	062320	Tổng Thanh Huyền	Nữ	07/11/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
146	062321	Đoàn Thị Huyền	Nữ	23/10/2000	Nam Định	10.00	10.00	10.00	Giỏi
147	062322	Vũ Thu Huyền	Nữ	26/05/2000	Thái Bình	10.00	10.00	10.00	Giỏi
148	062323	Nguyễn Bá Hùng	Nam	03/01/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
149	062324	Hồ Đức Hùng	Nam	16/02/2000	Hà Nội	10.00	9.50	9.63	Giỏi
150	062325	Phạm Minh Hương	Nữ	01/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
151	062326	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	01/10/2000	Thái Bình	10.00	10.00	10.00	Giỏi
152	062327	Nguyễn Thu Hương	Nữ	20/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
153	062328	Nguyễn Hữu Khang	Nam	06/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
154	062329	Nguyễn Vân Khanh	Nữ	18/09/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
155	062330	Nguyễn Duy Khánh	Nam	05/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
156	062331	Bùi Ngọc Khánh	Nam	15/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
157	062332	Phạm Văn Khoa	Nam	17/02/2000	Hà Nội	8.00	9.50	9.13	Giỏi
158	062333	Đào Trọng Kiên	Nam	23/11/2000	Vĩnh Phúc	9.00	10.00	9.75	Giỏi
159	062334	Bùi Trung Kiên	Nam	05/04/2000	Hải Phòng	10.00	10.00	10.00	Giỏi
160	062335	Nguyễn Trung Kiên	Nam	30/07/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06

THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Nấu ăn

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
161	062336	Nguyễn Văn Kiên	Nam	11/09/2000	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.00	Giỏi
162	062337	Đỗ Quế Lan	Nữ	31/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
163	062338	Nguyễn Tùng Lan	Nữ	10/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
164	062339	Trần Ngọc Tùng Lâm	Nam	11/09/2000	Yên Bái	10.00	10.00	10.00	Giỏi
165	062340	Nguyễn Hoàng Lân	Nam	15/12/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
166	062341	Nguyễn Kim Liên	Nữ	07/06/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
167	062342	Nguyễn Thị Liên	Nữ	20/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
168	062343	Nguyễn Bảo Linh	Nữ	07/12/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
169	062344	Vũ Diệu Linh	Nữ	11/02/2000	Phú Thọ	10.00	10.00	10.00	Giỏi
170	062345	Trần Gia Linh	Nữ	30/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
171	062346	Nguyễn Nhật Linh	Nữ	12/02/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
172	062347	Nguyễn Phương Linh	Nữ	04/11/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
173	062348	Triệu Phương Linh	Nữ	07/12/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
174	062349	Nguyễn Quang Linh	Nam	16/06/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
175	062350	Nguyễn Quỳnh Linh	Nữ	07/11/2000	Hà Nội	5.00	10.00	8.75	Khá
176	062351	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	16/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
177	062352	Đỗ Thuỳ Linh	Nữ	27/03/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
178	062353	Nguyễn Trà Linh	Nữ	30/12/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
179	062354	Võ Tuấn Linh	Nam	30/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
180	062355	Phạm Bảo Long	Nam	29/08/2000	Hà Nội	4.00	10.00	8.50	Trung Bình
181	062356	Phùng Bảo Long	Nam	23/11/2000	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
182	062357	Nguyễn Đỗ Thành Long	Nam	14/09/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
183	062358	Nguyễn Đức Long	Nam	12/09/2000	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
184	062359	Mai Gia Long	Nam	21/05/2000	Thái Nguyên	10.00	10.00	10.00	Giỏi
185	062360	Nguyễn Hải Long	Nam	18/03/2000	Hà Tây	5.00	10.00	8.75	Khá
186	062361	Nguyễn Hoàng Long	Nam	24/09/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
187	062362	Vũ Hoàng Long	Nam	03/12/2000	Hà Nội	7.00	10.00	9.25	Giỏi
188	062363	Vũ Hoàng Long	Nam	20/10/2000	Hà Nội	6.00	10.00	9.00	Giỏi
189	062364	Trần Huy Long	Nam	27/12/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
190	062365	Đỗ Kim Long	Nam	10/04/2000	Hà Nội	4.00	10.00	8.50	Trung Bình
191	062366	Nguyễn Minh Long	Nam	18/09/2000	Hà Nội	4.00	10.00	8.50	Trung Bình
192	062367	Bùi Nam Long	Nam	09/08/2000	Hà Tây	6.00	10.00	9.00	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06
THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Nấu ăn

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
193	062368	Ngô Nguyễn Phi Long	Nam	11/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
194	062369	Cao Nhật Long	Nam	20/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
195	062370	Nguyễn Phi Long	Nam	22/02/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
196	062371	Vũ Quốc Long	Nam	15/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
197	062372	Phạm Tân Long	Nam	19/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
198	062373	Nguyễn Thành Long	Nam	01/12/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
199	062374	Nguyễn Thành Long	Nam	06/01/2000	Hà Nội	-1.00	-1.00	0.00	
200	062375	Nguyễn Thành Long	Nam	06/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
201	062376	Hoàng Thái Long	Nam	17/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
202	062377	Lại Tiến Long	Nam	26/02/2000	Hà Tây	9.50	10.00	9.88	Giỏi
203	062378	Lê Tuấn Long	Nam	22/06/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
204	062379	Nguyễn Tuấn Long	Nam	10/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
205	062380	Nguyễn Việt Long	Nam	26/07/2000	Hà Nội	4.50	10.00	8.63	Trung Bình
206	062381	Nguyễn Thanh Lộc	Nữ	30/01/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
207	062382	Trần Tấn Lực	Nam	09/07/2000	Ninh Bình	10.00	10.00	10.00	Giỏi
208	062383	Đỗ Hương Ly	Nữ	03/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
209	062384	Bùi Thanh Mai	Nữ	15/10/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
210	062385	Bùi Đức Mạnh	Nam	12/01/2000	Hà Nội	3.50	10.00	8.38	Trung Bình
211	062386	Hoàng Minh	Nam	08/09/2000	Hà Nội	2.00	10.00	8.00	
212	062387	Phạm Đức Minh	Nam	18/11/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
213	062388	Lương Hoàng Minh	Nam	03/11/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
214	062389	Nguyễn Ngọc Minh	Nam	23/01/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
215	062390	Lê Hải Nam	Nam	19/03/2000	Nam Định	6.50	10.00	9.13	Giỏi
216	062391	Trần Hải Nam	Nam	30/08/2000	Vĩnh Phúc	10.00	10.00	10.00	Giỏi
217	062392	Đào Ngọc Nga	Nữ	06/01/2000	Hà Tây	8.50	10.00	9.63	Giỏi
218	062393	Dương Thuỳ Nga	Nữ	08/01/1999	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
219	062394	Trần Tuấn Nghĩa	Nam	23/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
220	062395	Nguyễn Văn Nghĩa	Nam	16/06/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
221	062396	Phạm Hồng Ngọc	Nữ	13/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
222	062397	Hoàng Minh Ngọc	Nữ	09/10/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
223	062398	Phạm Thái Bảo Ngọc	Nữ	04/08/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
224	062399	Nghiêm Thị Hồng Ngọc	Nữ	01/07/1999	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06

THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Nấu ăn

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
225	062400	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	17/02/2000	Sơn La	10.00	10.00	10.00	Giỏi
226	062401	Đỗ Thị Minh Ngọc	Nữ	19/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
227	062402	Cung Thúy Ngọc	Nữ	16/06/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
228	062403	Nguyễn Tuấn Ngọc	Nam	05/12/2000	Hà Tây	9.00	10.00	9.75	Giỏi
229	062404	Nguyễn Thanh Nguyên	Nam	28/10/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
230	062405	Phạm Long Nhật	Nam	11/09/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
231	062406	Nguyễn Minh Nhật	Nam	07/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
232	062407	Trần Phương Nhi	Nữ	31/12/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
233	062408	Bùi Văn Nhi	Nữ	29/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
234	062409	Trần Ngọc Hồng Nhung	Nữ	09/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
235	062410	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Nữ	17/07/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
236	062411	Đỗ Trang Nhung	Nữ	08/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
237	062412	Đinh Tuyết Nhung	Nữ	15/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
238	062413	Nguyễn Tú Oanh	Nữ	19/09/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
239	062414	Nguyễn Tài Phát	Nam	14/02/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
240	062415	Quách Vũ Trường Phúc	Nam	13/10/2000	Hải Dương	9.00	10.00	9.75	Giỏi
241	062416	Nguyễn Hà Phương	Nữ	02/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
242	062417	Nguyễn Lan Phương	Nữ	25/09/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
243	062418	Nguyễn Minh Phương	Nữ	13/02/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
244	062419	Đỗ Thu Phương	Nữ	28/04/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
245	062420	Nguyễn Đức Quang	Nam	07/09/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
246	062421	Đỗ Minh Quang	Nam	05/09/2000	Hà Tây	8.50	10.00	9.63	Giỏi
247	062422	Nguyễn Minh Quang	Nam	23/11/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
248	062423	Đinh Anh Quân	Nam	11/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
249	062424	Nguyễn Đàm Quân	Nam	04/08/2000	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
250	062425	Nguyễn Minh Quân	Nam	11/05/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
251	062426	Nguyễn Như Quân	Nam	09/03/2000	Hà Nội	4.00	10.00	8.50	Trung Bình
252	062427	Nguyễn Thế Quân	Nam	29/05/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
253	062428	Bùi Thúy Quỳnh	Nữ	25/02/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
254	062429	Nguyễn Thế Sơn	Nam	29/11/2000	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
255	062430	Chu Trường Sơn	Nam	07/03/2000	Hà Tây	9.50	9.50	9.50	Giỏi
256	062431	Vũ Trường Sơn	Nam	01/10/2000	Hà Tây	8.50	10.00	9.63	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06

THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Nấu ăn

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
257	062432	Vũ Văn Sơn	Nam	05/08/2000	Ninh Bình	9.00	10.00	9.75	Giỏi
258	062433	Lê Viết Tài	Nam	28/03/2000	Hoà Bình	6.50	9.50	8.75	Khá
259	062434	Lê Minh Tâm	Nữ	09/06/2000	Hà Nội	9.50	10.00	9.88	Giỏi
260	062435	Phó Minh Tâm	Nữ	21/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
261	062436	Phan Thị Thanh Tâm	Nữ	10/12/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
262	062437	Nguyễn Trí Tâm	Nam	07/12/1999	Hà Nội	5.00	10.00	8.75	Khá
263	062438	Nguyễn Văn Tâm	Nam	13/07/2000	Hà Nội	5.00	10.00	8.75	Khá
264	062439	Nguyễn Huyền Thanh	Nữ	08/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
265	062440	Nguyễn Minh Thành	Nam	20/09/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
266	062441	Cao Trung Thành	Nam	16/01/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
267	062442	Nguyễn Trung Thành	Nam	20/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
268	062443	Nguyễn Hương Thảo	Nữ	02/01/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
269	062444	Bùi Phương Thảo	Nữ	05/01/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
270	062445	Lê Phương Thảo	Nữ	06/09/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
271	062446	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	11/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
272	062447	Nguyễn Phương Thảo	Nữ	16/06/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
273	062448	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	29/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
274	062449	Nguyễn Đình Thắng	Nam	15/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
275	062450	Dương Đức Thắng	Nam	13/10/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
276	062451	Lê Đức Thắng	Nam	12/09/2000	Hưng Yên	10.00	10.00	10.00	Giỏi
277	062452	Triệu Tiến Thịnh	Nam	19/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
278	062453	Nguyễn Văn Thoại	Nam	19/05/2000	Hà Giang	10.00	10.00	10.00	Giỏi
279	062454	Nguyễn Hoài Thu	Nữ	17/01/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
280	062455	Nguyễn Đức Thuận	Nam	11/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
281	062456	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	26/12/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
282	062457	Vương Thanh Thủy	Nữ	24/11/2000	Hưng Yên	10.00	10.00	10.00	Giỏi
283	062458	Trần Thị Tâm Thư	Nữ	14/12/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
284	062459	Phạm Hoài Thương	Nữ	27/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
285	062460	Đinh Thùy Tiên	Nữ	22/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
286	062461	Lại Hợp Tiến	Nam	15/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
287	062462	Nguyễn Việt Tiến	Nam	12/05/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
288	062463	Nghiêm Công Toàn	Nam	10/06/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06
THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Nấu ăn

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
289	062464	Nguyễn Xuân Toàn	Nam	23/09/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
290	062465	Nguyễn Huyền Trang	Nữ	09/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
291	062466	Trương Huyền Trang	Nữ	10/06/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
292	062467	Vũ Minh Trang	Nữ	23/11/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
293	062468	Nguyễn Phương Trang	Nữ	01/01/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
294	062469	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	15/09/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
295	062470	Nguyễn Thu Trang	Nữ	01/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
296	062471	Trần Thu Trang	Nữ	06/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
297	062472	Nguyễn Thị Thu Trà	Nữ	23/10/2000	Nam Định	9.00	10.00	9.75	Giỏi
298	062473	Lê Ngọc Trâm	Nữ	02/10/2000	Hung Yên	10.00	10.00	10.00	Giỏi
299	062474	Nguyễn Hoàng Triều	Nam	20/04/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
300	062475	Nguyễn Lan Trinh	Nữ	17/08/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
301	062476	Nguyễn Thành Trung	Nam	11/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
302	062477	Đặng Vũ Thúy Trúc	Nữ	24/01/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
303	062478	Nguyễn Hoàng Trường	Nam	21/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
304	062479	Lê Anh Tuấn	Nam	29/11/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
305	062480	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	23/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
306	062481	Nguyễn Hữu Tuấn	Nam	09/12/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
307	062482	Lê Thanh Tùng	Nam	29/07/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
308	062483	Dương Xuân Tùng	Nam	13/07/2000	Hà Tây	10.00	10.00	10.00	Giỏi
309	062484	Nguyễn Hạnh Tú	Nữ	15/05/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
310	062485	Hoàng Minh Tú	Nam	22/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
311	062486	Hoàng Minh Tú	Nam	13/12/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi
312	062487	Lê Ngọc Tú	Nữ	28/03/2000	Hà Nội	10.00	10.00	10.00	Giỏi
313	062488	Phạm Ngọc Tú	Nữ	06/01/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
314	062489	Đoàn Ngọc Thanh Tú	Nữ	21/11/2000	Hà Nội	6.00	10.00	9.00	Giỏi
315	062490	Lê Tuấn Tú	Nam	29/07/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
316	062491	Chu Phương Uyên	Nữ	01/08/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
317	062492	Trần Phương Uyên	Nữ	31/10/2000	Hà Nội	6.00	10.00	9.00	Giỏi
318	062493	Đoàn Thanh Vân	Nữ	11/11/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
319	062494	Đỗ Thị Hồng Vân	Nữ	12/12/2000	Hà Nội	5.00	10.00	8.75	Khá
320	062495	Phạm Thị Thảo Vân	Nữ	10/10/2000	Hà Nội	8.00	10.00	9.50	Giỏi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

CỤM THI SỐ: 06

THPT Nhân Chính

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khóa ngày: 25/10/2017

Nghề: Nấu ăn

Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH	GT	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM THI			XẾP LOẠI
						LT	TH	ĐTB	
321	062496	Nguyễn Quốc Việt	Nam	20/06/2000	Hà Tây	8.50	10.00	9.63	Giỏi
322	062497	Trần Phú Thành Vinh	Nam	17/06/2000	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
323	062498	Nguyễn Thành Vinh	Nam	10/07/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
324	062499	Trần Đăng Vũ	Nam	19/02/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
325	062500	Nguyễn Trần Vũ	Nam	26/12/2000	Hà Nội	8.50	10.00	9.63	Giỏi
326	062501	Phạm Đức Vượng	Nam	20/04/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi
327	062502	Nguyễn Như Ý	Nữ	23/11/2000	Hà Nội	9.00	10.00	9.75	Giỏi

Số thí sinh được cấp Giấy chứng nhận nghề: 324 hs./.

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Kim Oanh

Ngày 10 tháng 11 năm 2017

KT. CHỦ TỊCH HĐ THI

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Đại